

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Thạc sĩ ngành Nội khoa cập nhật năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nội khoa ban hành kèm theo Công văn số 710/ĐHYD-TTKT ngày 08/7/2024;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Trường ĐHYD ngày 01/8/2024,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nội khoa cập nhật năm 2024 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2024-2025.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, MC.

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÀNH NỘI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành sâu, rộng, kiến thức nghiên cứu khoa học hệ thống; có kỹ năng thực hành chuyên môn dựa vào bằng chứng; chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn cơ bản thuộc ngành Nội khoa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành Nội khoa.	x	x	x
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng thực hiện hiệu quả một số thủ thuật, kỹ thuật; các kỹ năng chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng và xử trí cấp cứu các bệnh thường gặp thuộc ngành Nội khoa.	x	x	x
PEO 3	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt và phối hợp chuyên nghiệp với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn.	x	x	x
PEO 4	Có khả năng độc lập trong nghiên cứu khoa học và thiết lập nhóm nghiên cứu trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp; chủ động học tập nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Trình độ năng lực	Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
	thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học thuộc ngành Nội khoa			
III	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
PLO 9	Chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	4/5	x	
PLO 10	Chủ động học tập và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong ngành Nội khoa	4/5	x	
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	4/5	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PEO 1	x	x									
PEO 2			x	x	x	x					
PEO 3							x				
PEO 4								x			
PEO 5									x	x	x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã học phần			Kỳ học
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Học trước	Tiên quyết	Song hành	
5	NKHS5214	Hồi sức cấp cứu	4 (1/3)	15	90	95				1
6	NKQL5212	Quản lý bệnh viện	2 (1/1)	15	30	55				1
7	NKCĐ5212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				1
8	NKDL5312	Dược lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55				1
2.2. Học phần tự chọn: 04 tín chỉ - chọn 02 trong 03 học phần										
9	NKTN5312	Truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	55				1
10	NKMD5312	Miễn dịch- Sinh lý bệnh	2 (2/0)	30	0	70				1
11	NKDD5312	Dinh dưỡng lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55				1
3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 34 tín chỉ (52,3%)										
3.1. Học phần bắt buộc: 28 tín chỉ										
12	NKTM5414	Tim mạch	4 (2/2)	30	60	110				2
13	NKHH5414	Hô hấp	4 (2/2)	30	60	110				2
14	NKTH5414	Tiêu hóa	4 (2/2)	30	60	110				2
15	NKCX5414	Cơ xương khớp	4 (2/2)	30	60	110				2
16	NKTN5414	Tiết niệu	4 (2/2)	30	60	110				3
17	NKNT5414	Nội tiết	4 (2/2)	30	60	110				3
18	NKHH5414	Huyết học	4 (2/2)	30	60	110				3
3.2. Học phần tự chọn: 6 tín chỉ - chọn 2 trong 3 học phần										
19	NKTK5513	Thần kinh	3 (1/2)	15	60	75				3
20	NKTT5513	Tâm thần	3 (1/2)	15	60	75				3
21	NKUT5512	Ung thư	3 (1/2)	15	60	75				3
3. TỐT NGHIỆP: 8 tín chỉ (12,4%)										
22	NKLV5818	Đề án tốt nghiệp	8 (0/8)	0	240	160	HCPP 5013			4
Tổng số			65 (28/37)	420	1110	1720				

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	HCTH5013	H									M	M
2	HCPP5013	H							H		H	H
3	HCPP5113	H						M			M	H
4	HCPH5113	H						M			M	H
5	NKHS5214		H	H	H	H	H	H		M	H	H
6	NKQL5212	H						M		M	M	H
7	NKCĐ5212		H		H	H				M	M	M
8	NKDL5312		H			H	H			M	M	M
9	NKTN5312		H	H	H	H	H	M		M	H	H
10	NKMD5312		H		H						M	
11	NKDD5312		H				H			M	H	M
12	NKTM5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
13	NKHH5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
14	NKTH5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
15	NKCX5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
16	NKTN5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
17	NKNT5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
18	NKHH5414		H	H	H	H	H	H		M	H	H
19	NKTK5513		M	H	H	H	H	H		M	H	H
20	NKTT5513		M	H	H	H	H	H		M	H	H
21	NKUT5512		H	H	H	H	H	H		M	H	H
22	NKLV5818	H	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Chấm Portfolio	x	x	x	x	x	x			x	x	x
Minicex	x	x	x	x	x	x					
Trắc nghiệm (MCQ)	x	x									
Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án			x	x	x	x				x	x
Chấm chỉ tiêu, bảng kiểm lượng giá kỹ năng, thủ thuật			x	x	x	x	x	x		x	x
Chấm đề án tốt nghiệp	x	x						x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Chương trình đào tạo trong và ngoài nước

Mô tả	Trường ĐHYD Hồ Chí Minh (2019)		Trường ĐHYD Cần Thơ (2022)		Trường ĐHYD Huế (2022)		Trường ĐHYD Thái Nguyên (2024)	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	5	8.3	10	15.2	6	8.2	9	13.8
Kiến thức cơ sở ngành	8	13.3	15	22.7	20	27.4	14	21.5
Kiến thức chuyên ngành	38	63.3	35	53.0	35	47.9	34	52.3
Luận văn	9	15.0	6	9.09	12	16.4	8	12.4
Tổng	60	100%	66	100%	73	100%	65	100%
Tự chọn	20	33.33	0	0.00	17	23.28	13	20.00

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo ¹

1. Học phần Triết học thuộc khối kiến thức chung bắt buộc, được dạy- học ở học kì 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức sâu rộng của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các phương pháp luận cơ bản của Triết học. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, tiểu luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CĐR) số 1 ở mức độ cao, CĐR số 10, 11 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp Nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức chung bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học năng lực cần thiết để thực hiện việc nghiên cứu khoa học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm tiểu luận, luận văn. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1, 8, 10, 11 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức chung, tự chọn. được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cần thiết để có thể vận dụng vào việc viết và thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung bài giảng, công cụ lượng giá và lượng giá người học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận. Các phương pháp lượng giá người học là phương pháp trắc nghiệm và chấm bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1 và 11 ở mức độ cao và CĐR số 7, 10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

4. Học phần phương pháp sư phạm y học thuộc khối kiến thức chung, tự chọn. được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực truyền đạt kiến thức, kỹ năng y khoa cho người học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai. phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm tiểu luận. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1 và 11 ở mức độ cao và CĐR số 7, 10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

5. Học phần Hồi sức Cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bắt buộc; được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học nâng cao năng lực chẩn đoán, xử trí các cấp cứu nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio + Minicex, vấn đáp theo bảng kiểm, hỏi vấn đáp trực tiếp trên bệnh nhân, bệnh án. Học phần Hồi sức cấp cứu đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7, 10,11 ở mức độ cao, số 9 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

6. Học phần quản lý bệnh viện thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học nâng cao năng lực quản lý các hoạt động chuyên môn. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1,11 ở mức độ cao và CĐR số 7, 9, 10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

¹ Mô tả lần lượt nội dung các học phần/module theo cấu trúc CTĐT (Curriculum Structure)

13. Học phần Hô hấp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý hô hấp thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý hô hấp phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio + Minicex, vấn đáp theo bảng kiểm, hỏi vấn đáp trực tiếp trên bệnh nhân, bệnh án. Học phần hô hấp đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7, 10,11 ở mức độ cao, số 9 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

14. Học phần Tiêu hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý tiêu hóa thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý tiêu hóa phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio + Minicex, vấn đáp theo bảng kiểm, hỏi vấn đáp trực tiếp trên bệnh nhân, bệnh án. Học phần tiêu hóa đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7, 10,11 ở mức độ cao, số 9 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

15. Học phần Cơ xương khớp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý cơ xương khớp thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý cơ xương khớp phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio + Minicex, vấn đáp theo bảng kiểm, hỏi vấn đáp trực tiếp trên bệnh nhân, bệnh án. Học phần cơ xương khớp đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7, 10,11 ở mức độ cao, số 9 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

16. Học phần Tiết niệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý tiết niệu thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý tiết niệu phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio + Minicex, vấn đáp theo bảng kiểm, hỏi vấn đáp trực tiếp trên bệnh nhân, bệnh án. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio + Minicex, vấn đáp theo bảng kiểm, hỏi vấn đáp trực tiếp trên bệnh nhân, bệnh án. Học phần tiết niệu đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7, 10,11 ở mức độ cao, số 9 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

17. Học phần Nội tiết thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý nội tiết thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý nội tiết phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm Portfolio +

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có hơn 50 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó Bộ môn Nội có hơn 20 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 6 PGS - TS, 6 Tiến sĩ - GVC, 7 Thạc sĩ và các Bác sĩ có trình độ CKII, Ths, CKI, Tiến sĩ công tác tại các bệnh viện thực hành là giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực... đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

XIV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng Tổ rà soát	Trưởng Khoa/Bộ môn
1	Viết lại Bản mô tả chương trình đào tạo theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 và khung chương trình đào tạo thạc sĩ năm 2022	12/2022	Nguyễn Quang Mạnh	Nguyễn Trọng Hiếu
2	Bổ sung mục tiêu chung, điều chỉnh mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, khung CTDH, vẽ lại sơ đồ tiến trình dạy học, cập nhật đội ngũ giảng viên. Tăng tổng số tín chỉ từ 60 lên 65, trong đó: Tăng thời lượng học phần Hồi sức cấp cứu từ 02 lên 04 tín chỉ. Bỏ HP Thực tập tốt nghiệp, bổ sung thêm HP Tiết niệu, Nội tiết, Huyết học vào học phần chuyên ngành bắt buộc. Sắp xếp lại các môn chung, cơ sở ngành trong kỳ 1 của năm 1	16/7/2024	Nguyễn Quang Mạnh	Nguyễn Trọng Hiếu

XV. Ngày phê duyệt: 01/8/2024

XVI. Thành phần phê duyệt

Tổ rà soát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Tuấn Vũ

**Hội đồng thẩm định
khoa/bộ môn**
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Trọng Hiếu

Phòng Đào tạo
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Mạnh

**Chủ tịch Hội đồng
KH&ĐT Trường**
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

